

Bản án số: 87/2019/DS-ST

Ngày 12 - 8 - 2019

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ D.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn T, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp T T, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q và bà bà Phạm Thị T; cư trú tại: Ấp X T, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Trương Văn Th trình bày:

Vào ngày 25/02/2017 al ông có tham gia 01 chung hui 3.000.000 đồng/tháng, gồm có 31 chung, do ông Q và bà T làm đầu thảo, ông đã đóng được 25 lần với số tiền $25 \times 3.000.000 \text{ đồng} = 75.000.000 \text{ đồng}$ thì ông Q và bà T đình hui, chung hui này đến ngày 25/7/2019 al mới mãn.

Vào ngày 10/8/2017 al ông có tham gia 01 chung hui 2.000.000 đồng/tháng, gồm có 31 chung, do ông Q và bà T làm đầu thảo, ông đã đóng được 19 lần với số tiền $19 \times 2.000.000 \text{ đồng} = 38.000.000 \text{ đồng}$ thì ông Q và bà T đình hui, chung hui này đến năm 2020 mới mãn. Tổng số tiền ông Q và bà T thiếu ông là 113.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu ông Q và bà T trả cho ông số tiền thực tế đóng vào là 90.000.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T các lần Tòa án triệu tập đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trương Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T trả tiền hui là vụ kiện tranh chấp hui, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Q và bà T vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối ông Q và bà T.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch dân sự giữa ông T với ông Q và bà T trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Căn cứ vào danh sách hui viên ngày 25/02/2017al và ngày 10/8/2017 al có căn cứ xác định ông T có tham gia 02 chung hui do ông Q và bà T làm chủ hui.

Xét yêu cầu của ông T thấy rằng, tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu ông Q và bà T trả cho ông số tiền thực tế đóng vào là 90.000.000 đồng, mặc dù ông T không cung cấp được sổ sách chứng minh từng lần đóng cụ thể là bao nhiêu nhưng đối chiếu với quy định của pháp luật về cách tính họ, hui, bêu, phường thì số tiền ông T yêu cầu 90.000.000 đồng là không vượt quá quy định của pháp luật về số tiền thực tế đóng vào và mức lãi suất nhà nước quy định.

Xét về trách nhiệm trả nợ thấy rằng, việc ông Q và bà T làm chủ hui trong thời gian vợ chồng còn chung sống với nhau và việc làm chủ hui để nhận tiền hoa hồng là nhằm mục đích phục vụ cho cuộc sống của gia đình. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng nên ông Q và bà T phải có trách nhiệm trả số nợ trên cho ông T. Từ những phân tích trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền hui 90.000.000 đồng.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: $90.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.500.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn T số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày ông Trương Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)

Ông Trương Văn T không phải chịu, ngày 15 tháng 5 năm 2019 ông Trương Văn Thế đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.825.000 đồng tại biên lai số 0009409 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Ngọc Yến